

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-8-2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung và bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thuỳ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 130/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số nhà 250, tổ 9, khu phố Long Khánh 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phan Đăng L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Phan Đăng L về chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 175/2018 ngày 11/12/2018. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong suốt thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, theo chị anh Luật không có trách nhiệm trong hôn nhân, thường xuyên có hành vi bạo lực với chị, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, đặc biệt từ

tháng 12/2021 đến nay. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Từ khi sống ly thân không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Đăng L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 05/12/2019. Sau khi ly hôn chị yêu cầu giao con chung cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Chị xác định anh L có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung đó là có công việc ổn định, thu nhập ổn định, có nhà cửa ở ổn định... Nên có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung do anh L nuôi dưỡng và cháu vẫn phát triển khỏe mạnh, bình thường.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Đăng L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết: Chị T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn với Anh Phan Đăng L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị Trần vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án

xét xử vắng mặt, bị đơn anh L được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 175/2018 ngày 11/12/2018 theo đúng quy định tại các điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác nhận hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị T xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2021 đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị kiên quyết ly hôn.

Bị đơn anh Phan Đăng L đã được Tòa án triệu tập họp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này cho thấy anh Luật không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân với chị T.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh L là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị T yêu cầu giao cho anh Luật được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 05/12/2019, chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Chị T xác định anh L có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, từ khi vợ chồng chị sống ly thân, con chung do anh L nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường. Do đó, xét cần giao con chung cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở chấp nhận. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 8, 9, 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Trân về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phan Đăng L.

2. Về con chung: Giao cho anh Phan Đăng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 05/12/2019. Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Khoa mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005162 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Phan Đăng L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

